

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành hoặc bị bãi bỏ trong lĩnh vực Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4294/QĐ-BTC ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ bãi bỏ và thay thế thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5551/STC-QLKT ngày 06/7/2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành hoặc bị bãi bỏ trong trong lĩnh vực Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

Phụ lục
DANH MỤC TTHC NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH HOẶC BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI DÀNH CHO VIỆT NAM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

PHẦN I. DANH MỤC TTHC, TTHC NỘI BỘ

1. Danh mục TTHC nội bộ mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt, điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là dự án, phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài	Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	UBND tỉnh; Sở Tài chính

2. Danh mục TTHC bị bãi bỏ

TT	Tên /Mã số TTHC	Tên văn bản quy định nội dung bãi bỏ TTHC
1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt, điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là dự án, phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài <i>Mã số TTHC: 5.002837</i>	Thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 564/QĐ-UBND ngày 09/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị, nay bị bãi bỏ theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ và Quyết định số 4294/QĐ-BTC ngày 25/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

1. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt, điều chỉnh, sửa đổi văn kiện khoản viện trợ là dự án, phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài

a. Trình tự thực hiện:

a.1) Trường hợp văn kiện là dự án:

- Bước 1: Chủ khoản viện trợ lập văn kiện dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Bước 2: Chủ khoản viện trợ gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính văn bản đề nghị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.

- Bước 3:

(i) Trường hợp khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:

+ Đối với các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan để xin ý kiến.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan để xin ý kiến.

(ii) Trường hợp khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh:

Sở Tài chính gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP tới Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ và các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có chức năng liên quan để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý nhà nước của tỉnh hoặc trường hợp chủ khoản viện trợ không đăng ký hoạt động tại tỉnh, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

- Bước 4: Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Tài chính tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ tham mưu UBND tỉnh (trường hợp khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ) hoặc Sở Tài chính chủ trì thẩm định, báo cáo UBND tỉnh (trường hợp khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh) đánh giá:

+ Tính phù hợp của mục tiêu, mục đích tiếp nhận khoản viện trợ với mục tiêu phát triển cụ thể của các bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng khoản viện trợ;

+ Tư cách pháp nhân của các Bên cung cấp viện trợ và Bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá

nhân nước ngoài; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

+ Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; khả năng đóng góp vốn đối ứng của phía Việt Nam;

+ Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của khoản viện trợ dành cho các hạng mục chủ yếu của dự án;

+ Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

+ Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả của dự án vào thực tiễn và tính bền vững của khoản viện trợ sau khi kết thúc; hiệu quả sử dụng khoản viện trợ.

Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh có ý kiến kết luận làm cơ sở để báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Sở Tài chính chủ trì thẩm định báo cáo UBND tỉnh.

- Bước 5: Thủ tướng Chính phủ hoặc UBND tỉnh xem xét, phê duyệt dự án với các nội dung chủ yếu: Tên dự án; tên cơ quan chủ quản và chủ dự án; Bên cung cấp viện trợ, đồng cung cấp viện trợ nước ngoài; tính chất nguồn viện trợ (thuộc hoặc không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước); tính chất chi của vốn viện trợ và vốn đối ứng (nếu có); mục tiêu và kết quả chủ yếu của khoản viện trợ; thời gian và địa điểm thực hiện; tổng vốn của dự án; hình thức tổ chức quản lý và thực hiện dự án.

a.2) Trường hợp phi dự án:

- Bước 1: Chủ khoản viện trợ lập văn kiện phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Bước 2: Chủ khoản viện trợ gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính văn bản đề nghị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phi dự án.

- Bước 3:

(i) Trường hợp khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ:

+ Đối với các khoản viện trợ mà bên tiếp nhận thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan để xin ý kiến.

+ Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh gửi hồ sơ đến Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan để xin ý kiến.

(ii) Trường hợp khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh:

Sở Tài chính gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP tới Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ và các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có chức năng liên quan để xin ý kiến. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá

thẩm quyền quản lý nhà nước của tỉnh hoặc trường hợp chủ khoản viện trợ không đăng ký hoạt động tại tỉnh, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

- Bước 4: Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Tài chính tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ tham mưu UBND tỉnh (trường hợp khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ) hoặc Sở Tài chính chủ trì thẩm định, báo cáo UBND tỉnh (trường hợp khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh) đánh giá:

+ Tính phù hợp của mục tiêu, mục đích tiếp nhận khoản viện trợ với mục tiêu phát triển cụ thể của các bộ, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện và thụ hưởng khoản viện trợ;

+ Tư cách pháp nhân của các Bên cung cấp viện trợ và Bên tiếp nhận viện trợ và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân nước ngoài; sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của bên tiếp nhận viện trợ;

+ Khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Chủ khoản viện trợ; khả năng đóng góp vốn đối ứng của phía Việt Nam;

+ Tính hợp lý trong cơ cấu ngân sách của khoản viện trợ dành cho các hạng mục chủ yếu của phi dự án;

+ Những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia;

+ Hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả của dự án vào thực tiễn và tính bền vững của khoản viện trợ phi dự án sau khi kết thúc; hiệu quả sử dụng khoản viện trợ.

Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh có ý kiến kết luận làm cơ sở để báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Sở Tài chính chủ trì thẩm định báo cáo UBND tỉnh.

- Bước 5: Thủ tướng Chính phủ hoặc UBND tỉnh xem xét, phê duyệt phi dự án với các nội dung chủ yếu: Tên phi dự án; tên cơ quan chủ quản và chủ phi dự án; Bên cung cấp viện trợ, đồng cung cấp viện trợ nước ngoài; tính chất nguồn viện trợ (thuộc hoặc không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước); tính chất chi của vốn viện trợ và vốn đối ứng (nếu có); mục tiêu và kết quả chủ yếu của khoản viện trợ; thời gian và địa điểm thực hiện; tổng vốn của phi dự án; hình thức tổ chức quản lý và thực hiện dự án.

b. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thông qua hệ thống bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1) Trường hợp viện trợ là dự án:

- Văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Cơ quan chủ quản về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt dự án;

- Văn bản đề nghị phê duyệt dự án;

- Cam kết viện trợ của Bên cung cấp viện trợ;

- Văn kiện dự án;
- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân:
 - + Đối với viện trợ là các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài thì không cần giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP;
 - + Đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài đã đăng ký tại Việt Nam: Bản sao Giấy đăng ký do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;
 - + Đối với cá nhân cung cấp viện trợ: Bản sao chứng thực hộ chiếu còn hiệu lực;
 - + Đối với các Bên cung cấp viện trợ khác: Bản sao chứng thực giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức.
- Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 03 bộ; các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và Chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch và bản dịch tiếng Việt các tài liệu.

c.2) Trường hợp phi dự án:

- Văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc Cơ quan chủ quản về kết quả thẩm định và trình xem xét, quyết định phê duyệt phi dự án;
- Văn bản đề nghị phê duyệt phi dự án;
- Cam kết viện trợ của Bên cung cấp viện trợ;
- Văn kiện phi dự án;
- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (như đối với trường hợp viện trợ là dự án);
- Đối với khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo hình thức cung cấp chuyên gia, hồ sơ khoản viện trợ cần có thêm: sơ lược lý lịch chuyên gia có cam kết chịu trách nhiệm đối với thông tin cung cấp của chuyên gia; chương trình hoạt động; giấy phép lao động và các giấy tờ pháp lý về hoạt động chuyên môn của chuyên gia theo quy định của pháp luật có liên quan;
- Hồ sơ khoản viện trợ phi dự án là hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải đã qua sử dụng, cần có thêm: chứng thư giám định chất lượng hàng hóa được cấp bởi tổ chức giám định hợp pháp và đủ năng lực được Việt Nam hoặc nước sở tại công nhận. Chứng thư giám định phải nêu kết luận về chất lượng của hàng hóa, thiết bị, phương tiện vận tải đạt yêu cầu tiêu chuẩn Việt Nam hoặc đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn tương đương được Việt Nam chấp nhận;
- Đối với khoản viện trợ phi dự án là các phương tiện vận tải đã qua sử dụng, cần có thêm các văn bản sau: bản sao bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên cung cấp viện trợ; bản chụp giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên cung cấp viện trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- Hồ sơ khoản viện trợ được lập thành 03 bộ; các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và Chủ khoản viện trợ chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch và bản dịch tiếng Việt các tài liệu.

d. Thời hạn giải quyết (đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh):

- Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính gửi văn bản (kèm theo hồ sơ) xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

- Thời gian góp ý kiến: Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, các cơ quan, đơn vị, tổ chức được lấy ý kiến có văn bản góp ý trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Thời gian xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia thẩm định.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cùng văn bản thẩm định của Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt khoản viện trợ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ hoặc UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: UBND tỉnh, Sở Tài chính.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc UBND tỉnh về việc cho phép thực hiện dự án, phi dự án.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không có.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Trường hợp viện trợ là dự án: Văn kiện dự án theo mẫu tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp phi dự án: Văn kiện phi dự án theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

**Mẫu 1. Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ
NỘI DUNG VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG
VIỆN TRỢ**

(Tên dự án)

(Kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Mã ngành dự án¹: Mã số dự án²:
3. Tên Bên cung cấp viện trợ:
4. Cơ quan chủ quản:
 - a) Địa chỉ liên lạc: b) Số điện thoại/Fax:
5. Chủ dự án:
 - a) Địa chỉ liên lạc: b) Số điện thoại/Fax:
6. Thời gian dự kiến thực hiện dự án: (Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực)
7. Địa điểm thực hiện dự án (ghi rõ tới cấp xã, nếu có thể áp dụng được):
8. Tổng vốn của dự án: nguyên tệ, tương đương....USD, tương đương..... VND (theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

Trong đó:

 - a) Vốn viện trợ không hoàn lại: nguyên tệ, tương đươngUSD
 - b) Vốn đối ứng:
 - Tiền mặt:VND tương đươngUSD
 - Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD
 - c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:
 - Chủ dự án:
 - + Tiền mặt:VND tương đươngUSD
 - + Hiện vật: tương đương.....VND tương đươngUSD
 - Bên tài trợ:
 - + Tiền mặt:VND tương đươngUSD
 - + Hiện vật: tương đương.....VND tương đương.....USD
 - d) Vốn viện trợ:
 - Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước
 - Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước
9. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của dự án

Khái quát mục tiêu và các kết quả của dự án

Chủ Dự án ký tên và đóng dấu

Đại diện Bên cung cấp viện trợ ký tên và đóng

dấu (nếu cần)

Ngày tháng năm

Ngày tháng năm

¹ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam hiện hành.

² Mã dự án - không bắt buộc - có thể do Bên cung cấp viện trợ quy định.

NỘI DUNG VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

I. Căn cứ hình thành dự án

1. Cơ sở pháp lý của dự án

- a) Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Chủ dự án, Cơ quan chủ quản
- b) Các văn bản pháp lý liên quan khác.

2. Bối cảnh của dự án

a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết của dự án trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).

b) Nêu các dự án tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các dự án đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và bảo đảm sự phối hợp, chia sẻ kết quả giữa các dự án với nhau nhằm phát huy hiệu quả tối đa.

3. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ dự án.

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án.

II. Cơ sở đề xuất Bên cung cấp viện trợ

1. Mô tả tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của Bên cung cấp viện trợ.

2. Nêu các điều kiện ràng buộc theo quy định của Bên cung cấp viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Mục tiêu và kết quả dự kiến của dự án

Mô tả đích mà dự án cần đạt được khi kết thúc để đáp ứng nhu cầu trực tiếp của đối tượng thụ hưởng, từ đó đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương.

IV. Những cấu phần và hoạt động của dự án

Mô tả chi tiết kế hoạch thực hiện các cấu phần hoặc tiểu dự án (nếu có) và hoạt động tương ứng của dự án theo các nội dung sau:

1. Mục đích

2. Các kết quả dự kiến, bao gồm Danh mục hàng hóa (nếu có)

3. Tổ chức thực hiện

4. Thời gian bắt đầu và kết thúc

5. Dự kiến nguồn lực

V. Ngân sách dự án

1. Tổng vốn của dự án: ... nguyên tệ, tương đương..... USD, tương đương.....VND (theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

Trong đó:

a) Vốn viện trợ không hoàn lại:....nguyên tệ, tương đương.... USD, tương đương.....VND.

b) Vốn đối ứng:VND tương đương vớiUSD, tương đương ...VND.

Trong đó:

- Hiện vật: tương đươngVND

- Tiền mặt:VND

c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

- Chủ dự án:

- + Tiền mặt:VND tương đươngUSD
- + Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD
- Bên tài trợ:
- + Tiền mặt:VND tương đươngUSD
- + Hiện vật: tương đương.....VND tương đươngUSD

d) Vốn viện trợ:

- Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước
- Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

2. Cơ cấu vốn theo: dịch vụ tư vấn (ước tính tỷ trọng chuyên gia trong nước/ chuyên gia quốc tế), đào tạo (trong nước, nước ngoài); thiết bị và vật tư (trong nước, nhập khẩu), kinh phí tạo lập các quỹ triển khai hoạt động trong dự án (nếu có), các chi phí quản lý; chi phí theo dõi và đánh giá dự án, kiểm toán dự án và các chi phí khác.

3. Cơ chế tài chính áp dụng:

a) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn viện trợ

b) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn đối ứng

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phátVND (...%) tổng vốn đối ứng (Trong đó: vốn NS trung ương.....%, vốn NS địa phương%)

- Vốn của cơ quan chủ quảnVND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn tự cân đối của chủ dự ánVND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có) VND (...%) tổng vốn đối ứng.

VI. Các quy định về quản lý tài chính của dự án

1. Hình thức giải ngân (qua kho bạc, tài khoản đặc biệt hay tài khoản tạm ứng...)

2. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán

3. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản...)

4. Kiểm toán dự án

VII. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

1. Cơ cấu tổ chức

2. Hoạt động của Ban quản lý dự án

VIII. Theo dõi và đánh giá dự án

1. Xây dựng kế hoạch theo dõi, đánh giá thực hiện dự án

2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện dự án

a) Đánh giá ban đầu

b) Đánh giá giữa kỳ

c) Đánh giá kết thúc

3. Chế độ kiểm tra, báo cáo của dự án

4. Cơ chế báo cáo

IX. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc

Đánh giá tính bền vững của dự án trên các phương diện:

1. Bền vững về kết quả: kết quả của dự án được duy trì và phát triển sau khi dự án kết thúc.

2. Bền vững về tổ chức: cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực của dự án được bảo đảm để có thể tiếp tục sau khi dự án kết thúc.

3. Bền vững về tài chính: sau khi hết khoản viện trợ, các hoạt động của dự án có thể tự tạo ra kinh phí để tiếp tục các hoạt động cần thiết khác.

4. Bền vững về môi trường: môi trường tự nhiên quanh khu vực thực hiện dự án được bảo tồn sau khi dự án kết thúc.

Mẫu 2. Văn kiện dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ
NỘI DUNG VĂN KIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ
(Tên dự án)

(Kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của
 Chính phủ)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Mã ngành dự án¹:
3. Tên Bên cung cấp viện trợ:
4. Cơ quan chủ quản:
 - a) Địa chỉ liên lạc: b) Số điện thoại/Fax:
5. Chủ dự án dự kiến:
 - a) Địa chỉ liên lạc: b) Số điện thoại/Fax:
6. Thời gian dự kiến thực hiện dự án²:
7. Địa điểm thực hiện dự án:
8. Tổng vốn của dự án:nguyên tệ, tương đương..... USD, tương đương.....VND (theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

Trong đó:

 - a) Vốn viện trợ không hoàn lại: ...nguyên tệ, tương đương... USD
 - b) Vốn đối ứng:
 - Tiền mặt:VND tương đương vớiUSD
 - Hiện vật: tương đương..... VND tương đương với..... USD
 - c) Vốn do các bên quản lý, thực hiện:
 - Chủ dự án:
 - + Tiền mặt:VND tương đươngUSD
 - + Hiện vật: tương đương..... VND tương đươngUSD
 - Bên tài trợ:
 - + Tiền mặt:VND tương đươngUSD
 - + Hiện vật: tương đương..... VND tương đươngUSD
 - d) Vốn viện trợ:
 - Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước
 - Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước
9. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của dự án

Khái quát mục tiêu và các kết quả của dự án

Đại diện Chủ dự án ký tên và đóng dấu Ngày tháng năm

Đại diện Bên cung cấp viện trợ ký tên và đóng Ngày tháng năm

dấu (nếu cần)

¹ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam hiện hành.

² Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

NỘI DUNG VĂN KIẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ

I. Bối cảnh và sự cần thiết của dự án

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực) liên quan đến nội dung của dự án và sự cần thiết, vai trò, vị trí của dự án trong quy hoạch, kế hoạch đó.

2. Khái quát các dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của đơn vị đề xuất dự án.

3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của dự án đề xuất.

4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án đề xuất.

II. Cơ sở đề xuất Bên cung cấp viện trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của Bên cung cấp viện trợ.

2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của Bên cung cấp viện trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được viện trợ.

3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của Bên cung cấp viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Các mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu dài hạn

2. Mục tiêu ngắn hạn

IV. Các kết quả chủ yếu của dự án

Kết quả dự kiến đạt được của dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó (theo từng cấu phần, hạng mục nếu có).

V. Cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu và dự kiến phân bổ nguồn lực của dự án

Mô tả tóm tắt các cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu theo từng kết quả dự kiến của dự án (trong đó nêu rõ từng kết quả theo từng cấu phần, hạng mục) và nguồn lực dự kiến tương ứng.

VI. Ngân sách của dự án

1. Đối với vốn viện trợ

Vốn viện trợ: nguyên tệ, tương đươngUSD, tương đương ...VND.

(Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

2. Đối với vốn đối ứng

Vốn đối ứng:VND

Trong đó:

- Hiện vật: tương đương..... VND

- Tiền mặt:VND

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

a) Vốn ngân sách trung ương cấp phátVND (...%) tổng vốn đối ứng

b) Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):VND (...%) tổng vốn đối ứng

3. Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

- Chủ dự án:

+ Tiền mặt:VND tương đươngUSD

+ Hiện vật: tương đương.....VND tương đươngUSD

- Bên tài trợ:

+ Tiền mặt:VND tương đương..... USD

+ Hiện vật: tương đương.....VND tương đươngUSD

4. Vốn viện trợ:

- Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

- Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

5. Cơ chế tài chính áp dụng:

a) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn viện trợ

b) Cơ chế tài chính áp dụng đối với vốn đối ứng

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phátVND (... %) tổng vốn đối ứng

(Trong đó: vốn NS trung ương.....%, vốn NS địa phương..... %)

- Vốn của cơ quan chủ quảnVND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn tự cân đối của chủ dự ánVND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có)VND (... %)

tổng vốn đối ứng.

VII. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.

VIII. Phân tích sơ bộ hiệu quả dự án

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với đơn vị thực hiện.

2. Đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường đối với ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc.

Mẫu 3. Văn kiện phi dự án sử dụng vốn viện trợ
NỘI DUNG VĂN KIỆN PHI DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ
 (Tên phi dự án)

(Kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của
 Chính phủ)

I. Căn cứ tiếp nhận phi dự án

1. Cơ sở pháp lý của phi dự án

a) Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Chủ khoản viện trợ, Cơ quan chủ quản.

b) Các văn bản pháp lý liên quan khác.

2. Bối cảnh của dự án

a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết tiếp nhận phi dự án trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).

b) Nêu các dự án, phi dự án tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các khoản viện trợ đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và bảo đảm sự phối hợp, chia sẻ kết quả nhằm phát huy hiệu quả tối đa.

3. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của phi dự án.

II. Cơ sở đề xuất Bên cung cấp viện trợ

1. Mô tả tính phù hợp

2. Nêu các điều kiện ràng buộc theo quy định của Bên cung cấp viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Mục tiêu tiếp nhận phi dự án

Mô tả đích cần đạt được để đáp ứng nhu cầu trực tiếp của đối tượng thụ hưởng, từ đó đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương.

IV. Các thông số cơ bản của phi dự án

Mô tả chi tiết về các thông số kỹ thuật, hoặc hoạt động cụ thể của phi dự án
 Danh mục hàng hóa (nếu có)

V. Ngân sách hoặc trị giá viện trợ của phi dự án

1. Tổng vốn của phi dự án: USD, tương đương
VND

(Theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện phi dự án)

Trong đó:

a) Vốn viện trợ không hoàn lại:.....nguyên tệ, tương đương.... USD

b) Vốn đối ứng:VND tương đương vớiUSD

Trong đó:

- Hiện vật: tương đươngVND

- Tiền mặt:VND

Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số các hình thức sau:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phát.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

(Trong đó: vốn ngân sách trung ương.....%, vốn NS địa phương%)

- Vốn của cơ quan chủ quảnVND (... %) tổng vốn đối ứng
- Vốn tự cân đối của chủ dự ánVND (...%) tổng vốn đối ứng
- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có) VND (...%)

tổng vốn đối ứng.

2. Vốn do các bên quản lý, thực hiện:

a) Chủ dự án:

- Tiền mặt:VND tương đươngUSD
- Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

b) Bên tài trợ:

- Tiền mặt:VND tương đươngUSD
- Hiện vật: tương đươngVND tương đươngUSD

3. Vốn viện trợ:

a) Thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

b) Không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

VI. Các quy định về quản lý phí dự án

1. Quy định về quản lý tài sản, chuyển giao tài sản

2. Quy định về chế độ báo cáo